

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Lâm**.

2. Bà **Trần Thị Kim Phụng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Thoa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 764/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2018 (nộp tại Tòa án ngày 14/9/2018) và quá trình giải quyết, bà Huỳnh Thị L là nguyên đơn trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Quốc K tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Bình

Dương ngày 27/3/2003. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K nghiện rượu, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, không có việc làm ổn định. Bà L đã nhiều lần khuyên nhủ ông K với mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ông K không thay đổi. Nay bà L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 08/6/2003, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn - ông Nguyễn Quốc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông K không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Ngày 26/11/2018, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông K, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc K về việc ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/11/2018, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc K đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Quốc K tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 046, quyển số 01/2003 ngày 27/3/2003 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa bà L và ông K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Qua xác minh tại địa phương, được biết nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông K không chí thú làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình. Bà L đã khuyên nhủ và cho ông K rất nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình. Nhưng ông K vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hiện nay, bà L và ông K đã không còn chung sống với nhau. Do đó, bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông K. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông K không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị L đối với ông Nguyễn Quốc K là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 08/6/2003. Xét thấy, cháu H hiện đang sống ổn định với bà L từ khi bà L và ông K không còn sống chung với nhau. Quá trình làm việc, cháu H trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột tên Huỳnh Thị L trường hợp cha mẹ ly hôn. Đồng thời, bà L có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Quốc H cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 174, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc K về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 08/6/2003 cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0022713 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Chung